

Số: 13 /TTr-DKDD-HDQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô;

- Căn cứ Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán với các nội dung chính như sau: ( Kèm theo báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán).

- Tổng tài sản:	309,94 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu:	221,85 tỷ đồng
- Vốn điều lệ:	500 tỷ đồng
- Doanh thu, thu nhập khác:	24,58 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	(5,38) tỷ đồng
- LNST sau hoàn nhập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 15/NQ-DKDD-DHCD ngày 26/4/2023	0,145 tỷ đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu HDQT, TCHC, TCKT

TÀI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐỒ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

Đỗ Văn Tuấn - 14/11

Đỗ Văn Tuấn - 14/11

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-ĐKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Ngô Duy Chính	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phan Minh Tâm (Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

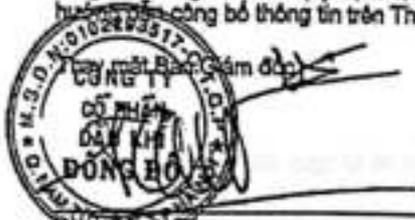
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Phạm Minh Tâm**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024



Số: 190324.025/BCTC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được lập ngày 19 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 070323.007/BCTC.KT5 ngày 07/03/2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không đánh giá được tình hình hữu khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu, phải trả, vốn góp đầu tư và giá trị thuần có thể thực hiện được của một số công trình xây lắp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, cụ thể như sau:

Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể nợ phải thu tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 28,17 tỷ VND và 14,25 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với giá trị lần lượt là 25,53 tỷ VND và 15,51 tỷ VND; Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2023 là 13,27 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được tình hình hữu khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM

4

Chúng tôi không đánh giá được tính chính xác của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện sông Hậu 1, chung cư Trần Anh - Long An. Giá trị dở dang của 03 công trình này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Hàng tồn kho" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với cùng giá trị lần lượt là 81,21 tỷ VND và 57,97 tỷ VND (xem thuyết minh 9).

Chúng tôi không xác định được khả năng thu hồi và khoản dự phòng cần trích lập đối với khoản vốn góp đầu tư vào dự án Dolphin Plaza. Khoản vốn góp này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 với cùng giá trị lần lượt là 27,2 tỷ VND (xem thuyết minh 13).

Trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty đang trình bày hai chỉ tiêu không liên quan đến Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, không phù hợp với quy định về trình bày Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành mà là việc điều chỉnh cáo quỹ thuộc vốn Chủ sở hữu gồm "Hoàn nhập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 15/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023" số tiền 5.531.782.408 VND và "Lợi nhuận sau thuế TNDN sau hoàn nhập quỹ khác" với giá trị là 145.840.110 VND.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

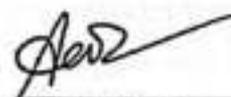
Hoàng Thùy Nga  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0782-2023-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

MA số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>224.043.521.877</b>	<b>248.228.554.618</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.309.281.875	9.284.002.143
111	1. Tiền		2.809.281.875	2.792.393.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	6.471.608.228
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	44.073.589.041	53.289.315.088
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.000.000	300.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		43.773.589.041	52.989.315.088
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.516.097.019	89.891.738.349
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	64.007.094.387	64.391.114.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.381.143.468	13.893.517.048
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	32.475.022.998	32.234.270.877
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.327.163.832)	(20.627.163.832)
140	IV. Hàng tồn kho	9	65.546.655.556	87.291.118.458
141	1. Hàng tồn kho		65.546.655.556	87.291.118.458
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.597.898.186	6.492.380.600
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		74.799.557	9.599.227
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.438.053.829	6.397.736.573
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	85.044.800	85.044.800
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>85.899.415.711</b>	<b>77.759.305.242</b>
220	I. Tài sản cố định		13.025.141.858	17.450.506.197
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.025.141.858	17.450.506.197
222	- Nguyên giá		25.439.546.297	29.894.821.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.414.404.439)	(12.444.315.623)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		140.846.000	140.846.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.846.000)	(140.846.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	23.560.520.116	11.896.733.792
231	- Nguyên giá		28.612.564.408	15.032.025.756
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.952.044.292)	(3.335.291.964)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.108.260.322	21.079.143.617
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.428.000.000	48.428.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.319.739.678)	(27.348.856.383)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		28.205.493.416	27.532.921.636
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		972.188.975	299.617.196
268	2. Tài sản dài hạn khác	13	27.233.304.440	27.233.304.440
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>309.842.937.388</b>	<b>323.987.859.860</b>

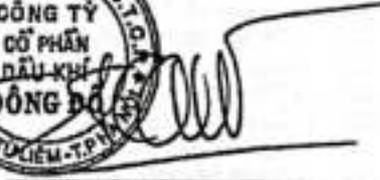
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>88.097.431.981</b>	<b>96.756.212.137</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>88.097.431.981</b>	<b>96.756.212.137</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	26.313.103.760	31.488.125.834
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.329.410.834	10.447.083.598
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	67.401.674	71.958.705
314	4. Phải trả người lao động		2.863.235.489	2.758.805.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	5.274.748.835	4.749.179.514
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		55.454.545	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	48.814.015.034	47.281.059.222
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	380.061.890	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>221.845.505.427</b>	<b>227.231.647.723</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>221.845.505.427</b>	<b>227.231.647.723</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		500.000.000.000	500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.344.727.377	18.344.727.377
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	5.531.782.406
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(298.489.221.850)	(298.844.862.060)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(298.644.862.060)	(298.503.115.261)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		145.640.110	1.858.253.201
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>292.945.737.388</b>	<b>323.887.859.860</b>

  
Lê Thị Nguyễn  
Người lập biểu

  
Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng

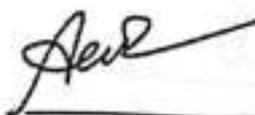


  
Phan Minh Tâm  
Giám đốc

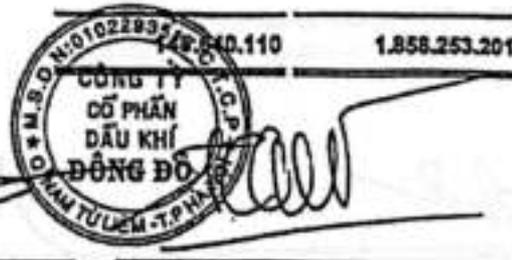
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2023**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	19.763.609.521	37.001.454.779
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.763.609.521	37.001.454.779
11	3. Giá vốn hàng bán	23	21.059.722.409	30.989.198.544
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.306.212.888)	6.012.256.235
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.437.847.409	3.155.250.811
22	6. Chi phí tài chính	25	29.763.739	3.072.938.177
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.880.444	-
25	7. Chi phí bán hàng	26	214.765.945	287.863.171
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	8.813.005.342	3.837.719.689
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.725.900.505)	1.968.985.829
31	10. Thu nhập khác	28	388.023.838	283.733.307
32	11. Chi phí khác	29	48.265.629	394.465.935
40	12. Lợi nhuận khác		339.768.209	(110.732.628)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.386.142.296)	1.858.253.201
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(5.386.142.296)	1.858.253.201
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(108)	37
	Hoàn nhập quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu theo Nghị quyết số 15/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023		5.631.782.406	-
	Lợi nhuận sau thuế TNDN sau hoàn nhập quỹ khác		245.640.110	1.858.253.201

  
Lê Thị Nguyễn  
Người lập biểu

  
Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng

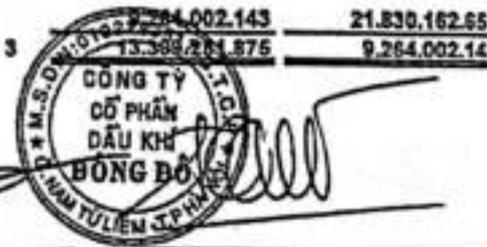
  
Phan Minh Tâm  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2023**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(5.388.142.296)	1.858.253.201
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.586.841.144	1.081.220.065
03	- Các khoản dự phòng		(1.329.118.705)	(3.227.091.823)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.437.847.409)	(3.155.250.611)
06	- Chi phí lãi vay		58.880.444	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.507.384.822)	(3.442.839.168)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.764.488.555)	(6.060.469.538)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.719.199.773	4.350.587.520
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(7.956.028.474)	(5.891.831.213)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(737.772.109)	(309.216.423)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(58.880.444)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(85.044.800)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(43.445.951)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.305.354.631)	(11.282.259.573)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(2.242.658.889)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.300.000.000)	(60.869.315.068)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.515.726.027	60.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.754.846.446	1.828.073.018
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.970.572.473	(1.283.900.939)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.149.799.585	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(769.737.695)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		380.061.890	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.045.279.732	(12.568.160.512)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.284.002.143	21.830.162.655
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		13.389.281.875	9.264.002.143

  
Lê Thị Nguyễn  
Người lập biểu

  
Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng

  
Phan Minh Tâm  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024